

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản án số: 59/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2017
Về: “Ly hôn”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Luân**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Xuân Hoàng**
2. Bà **Võ Thị Diệu Thảo**

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lê Thị Ngọc Hiên** –
Thư ký tòa án nhân dân thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa
tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Thảo** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, Tòa án nhân dân thành phố C mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **99/2016/TLST-HNGĐ** ngày: **14/4/2016** về việc: “**Ly hôn**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị N** - sinh năm: 1980

HKTT: Thôn M - xã Đ - thành phố C - tỉnh Khánh Hòa.

Tạm trú: Thôn A - xã N - huyện H - tỉnh P. (Có mặt).

*** Bị đơn:** Ông **Võ D** - sinh năm: 1974

Nơi cư trú: Thôn M - xã Đ - thành phố C - tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D:

Bà **Nguyễn Thị T** – Sinh năm 1985 – Là luật sư văn phòng luật sư N thuộc đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

Bà **Đỗ Thị H** - sinh năm 1981

Nơi cư trú: Tổ dân phố L - phường K - thành phố C - tỉnh Khánh Hòa.
(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:** Bà và ông Võ D tự nguyện sống với nhau vào năm 1997 nhưng đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn và được UBND xã Đ, thị xã C

(nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyền số 01 ngày 27/8/2001.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng từ năm 2014 đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì ông D thường xuyên gây sự đánh đập bà và có quan hệ ngoại tình với người đàn bà khác. Từ tháng 10 năm 2014 đến nay bà và ông D không sống chung với nhau. Nay mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ D.

- *Về con chung*: Bà và ông Võ D có 02 con chung là:

Võ L, sinh ngày: 08/10/1997

Võ Thị M, sinh ngày 12/10/2003.

Cháu L đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà và ông D có tài sản chung gồm:

+ 01 căn nhà và đất tại diện tích 205 m² tọa lạc tại thôn Thôn M, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

+ 03 thửa ruộng với tổng diện tích 4395 m² tọa lạc tại thôn Thôn M, xã Đ, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Hiện nay bà không có tài liệu giấy tờ gì liên quan đến tài sản chung của bà và ông D nêu trên để cung cấp cho Tòa án nên bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung trong vụ án này. Khi nào thu thập được tài liệu giấy tờ liên quan đến tài sản chung trên bà sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau.

***Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ D trình bày:** Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về quá trình tìm hiểu và kết hôn giữa ông và bà N. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà N có quan hệ ngoại tình. Nay vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà N.

- *Về con chung*: Ông và bà Nguyễn Thị N có 02 con chung là:

Võ L, sinh ngày: 08/10/1997

Võ Thị M, sinh ngày 12/10/2003.

Cháu L đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông đồng ý giao cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Ông không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Đỗ Thị H rút yêu cầu về việc buộc bà N, ông D trả số nợ 8.000.000 đồng.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C:**

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về quan hệ hôn nhân và con chung.

Tài sản chung: Không xét.

Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về việc “Đòi lại tài sản” của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Võ D tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01, ngày 27/8/2001 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng không có sự thông cảm, sẻ chia, không tôn trọng, không có trách nhiệm với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, luôn xảy ra xung đột, sống với nhau không có hạnh phúc. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng không sống chung với nhau. Nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt không hàn gắn được. Xét thấy tình trạng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu của bà N được ly hôn ông D và ông D cũng đồng ý ly hôn với bà N. Sự thuận tình ly hôn giữa bà N và ông D là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Võ D có 02 con chung là:

Võ L - sinh ngày: 08/10/1997

Võ Thị M - sinh ngày 12/10/2003.

Cháu L đã thành niên bà N và ông D không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Bà N và ông D thỏa thuận giao cháu Võ Thị M cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Sự thỏa thuận giữa bà N và ông D là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về tài sản chung: Bà N và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Đỗ Thị H tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về việc: “Đòi lại tài sản” giữa bà Đỗ Thị H và bà Nguyễn Thị N, ông Võ D theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 213, 217, 218, 219, 235 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân

và gia đình; Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Võ D.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị N và ông Võ D: Bà Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Thị M - sinh ngày 12/10/2003.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N về việc bà Nguyễn Thị N không yêu cầu ông Võ D cấp dưỡng nuôi con.

*Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3/ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Võ D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên có yêu cầu vụ độc lập Đỗ Thị H về việc: “Đòi lại tài sản” giữa bà Đỗ Thị H và bà Nguyễn Thị N, ông Võ D.

4/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 200.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 200.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/0003159 ngày 04/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C; như vậy, bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

Hoàn lại cho bà Đỗ Thị H 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2012/0003624 ngày 14/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Bà Nguyễn Thị N, ông Võ D, bà Đỗ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.C;
- CC THADS TP. C;
- UBND xã Đ
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Luân